

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2021

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tổng Nê;
2. Ông Nguyễn Văn Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phần – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đỗ Thị Kiều O, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 01 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đỗ Thị Kiều O trình bày:

Chị Đỗ Thị Kiều O và anh Nguyễn Thanh H kết hôn vào năm 2009, hôn nhân là do anh chị tự tìm hiểu và đến với nhau. Vợ chồng chị O đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Sau khi cưới, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng ngày càng nhiều, vợ chồng thường hay cãi vã, bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Chị O, anh H ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân mỗi người sống một nơi, mạnh ai người

nấy sống, không ai biết đến ai. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên biết anh chị bắt hòa đã khuyên nhủ, hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng chị O cũng đã tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Năm 2020, chị O đã khởi kiện xin ly hôn với anh H nhưng do vợ chồng còn khả năng hàn gắn nên chị O rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ khi rút đơn đến nay nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị vẫn chưa được tháo gỡ, vợ chồng vẫn còn ly thân, tình hình của vợ chồng chị O không có cải thiện. Nay chị O xác định tình cảm không còn, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với anh H được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 16/6/2010 và Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 05/01/2016. Hiện nay, cả 02 con chung đang sống với anh H. Khi ly hôn, chị O yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị O không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Tại biên bản hòa giải ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành chị O đồng ý cho anh H tiếp tục nuôi 02 con chung, chị O không cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Những thông tin về hôn nhân của anh chị, chị O trình bày trên đây là đúng. Hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị O nên không đồng ý ly hôn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn của anh chị là do anh H nóng tính nên hay la, lớn tiếng với chị O. Chị O tình tình trầm mặc vợ chồng bất đồng không nói gì, chỉ im lặng cất giữ trong lòng, lâu ngày chất chứa nên mới xảy ra sự việc ngày hôm nay. Anh H đã nhận thấy cái sai ở anh nên cũng mong muốn chị O rút đơn để vợ chồng hàn gắn lo cho con cái nhưng chị O không đồng ý. Năm 2020, chị O đã khởi kiện xin ly hôn với anh và chị O rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ khi rút đơn đến nay nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị vẫn chưa được tháo gỡ, vợ chồng vẫn còn ly thân, tình hình của vợ chồng anh không có cải thiện. Chị O đang thuê nhà trọ sống với cháu của chị O ở gần nhà nhưng do anh H đi làm phụ hồ, còn lo con cái; chị O làm công nhân tăng ca, cuối tuần thì về quê ở Bình Đại nên thời gian vợ chồng anh tiếp xúc để tháo gỡ mâu thuẫn không có. Chị O cũng có ý né tránh nên vợ chồng không thể nói chuyện được. Anh H vẫn còn tình cảm với chị O, vợ chồng cũng không mâu thuẫn gì lớn nên anh H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 16/6/2010 và Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 05/01/2016. Hiện nay cả 02 con chung đang sống với anh. Do con chung đang sống với anh H đã ổn định nên nếu Tòa án cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H không yêu cầu chị O cấp dưỡng cho anh sau khi ly hôn.

Tại phiên tòa chị O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những lời trình bày trước đây. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay, các nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị nêu trên chưa được tháo gỡ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Anh H nhận thấy khả năng hàn gắn của vợ chồng anh không còn nên đồng ý ly hôn với chị O.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm giải quyết:

Về thủ tục thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Kiều O. Chị Đỗ Thị Kiều O được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

- Con chung: anh H được tiếp tục nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 16/6/2010 và Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 05/01/2016. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 17/01/2021, chị Đỗ Thị Kiều O khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của chị O:*

Chị O, anh H tự nguyện kết hôn vào năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/01/2009. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi vã, tính tình không hòa hợp. Khi xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên biết anh chị bất hòa đã khuyên nhủ, hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng chị O cũng đã tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay các nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị nêu trên chưa được tháo gỡ. Anh Hà không đồng ý ly hôn nhưng từ trước đến nay anh không có động thái nào để tháo gỡ mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo chị O, anh Hà thừa nhận, năm 2020, chị O đã khởi kiện xin ly hôn với anh Hà nhưng do vợ chồng còn khả năng hàn gắn nên chị O rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ khi rút đơn đến nay những mâu thuẫn của anh chị vẫn chưa được tháo gỡ, vợ chồng vẫn còn ly thân, tình hình của vợ chồng chị O không có cải thiện. Anh Hà trình bày mâu thuẫn của vợ chồng anh không lớn, khả năng hàn gắn vẫn còn nhưng tại phiên tòa chị O vẫn cương quyết xin ly hôn, khẳng định không còn tình cảm với anh Hà. Hội đồng xét xử đã hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị O vẫn không thay đổi ý kiến. Điều này có cơ sở khẳng định tình trạng của vợ chồng chị O đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị O là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: anh H, chị O có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 16/6/2010 và Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 05/01/2016. Hiện nay cả 02 con chung đang sống với anh H. Do con chung đang sống với anh H đã ổn định nên nếu Tòa án cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi 02 con chung. Cháu V cũng có mong muốn được sống với anh H. Đối với yêu cầu này của anh H, chị O đồng ý nên được ghi nhận. Cần giao cháu V và cháu M cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với mong muốn của cháu V và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng: anh H không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết anh H có quyền yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung và nợ chung: chị O, anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Chị O, anh H không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Kiều O xin ly hôn đối với anh Nguyễn Thanh H;

* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Kiều O với anh Nguyễn Thanh H.

* Về nuôi con chung: giao 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 16/6/2010 và Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 05/01/2016 cho anh Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận anh Nguyễn Thanh H không yêu cầu chị Đỗ Thị Kiều O cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đỗ Thị Kiều O được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

* Về chia tài sản chung và nợ chung: chị O, anh H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ghi nhận chị Đỗ Thị Kiều O với anh Nguyễn Thanh H không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Về án phí: chị Đỗ Thị Kiều O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004906 ngày 21/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã Quới Sơn;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Minh Trung